

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v ly hôn,
tranh chấp quyền nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kiên Ngọc Trương.

Ông Thạch Đa Ra.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp CTH, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp CTH, xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Huỳnh Thị T trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi cưới cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc. Đến sau này hai bên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống tuy hai bên đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Bà T và

ông T đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005. Con chung Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung tên Nguyễn Văn Q, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông và bà Huỳnh Thị T tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi cưới cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc. Đến thời gian sau này vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xảy ra mâu thuẫn hai bên đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành vợ chồng đã ly thân từ năm 2011. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được ông T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005. Con chung Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung tên Nguyễn Văn Q ông T thống nhất giao bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, có mặt tại phiên tòa.

2. Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà T vào năm 1990 bà và ông T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Việc bà T ông T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Tòa án không công nhận bà T và ông T là vợ chồng; về con chung Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005. Con chung Nguyễn Văn T1 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà T, ông T không

yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Văn Q bà T, ông T thống nhất giao bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Q có nguyện vọng sống với bà T nên đề nghị Tòa án giao con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà T, ông T khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, hiện tại ông T đang cư trú tại xã B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi thức tổ chức lễ cưới vào năm 1990 thì bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Xét, bà T và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định trên việc bà T ông T kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã, phường nơi ông bà cư trú nhưng bà T ông T không thực hiện đúng quy định, vì vậy việc kết hôn giữa ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội thì bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005. Đối với con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991, đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà T, ông T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005 hiện tại bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Q là được sống chung với mẹ bà T và ông T Thống nhất giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Đối với con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 13/7/1991, đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà T, ông T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/01/2005 cho bà Huỳnh Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0010014, ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Huỳnh Thị T không phải nộp tiếp.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Lộc